

Ngày 30/09/2025	8,130 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-0.1%	15.2%	9.1%

	Q3/25	
ROE	2.9%	+/- YoY ▲ 1.1%

	Q3/25		
DT thuần	1,702	QoQ	YoY
		▼ 268	▼ 179
		▼ 13.6%	▼ 9.5%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
DT thuần	5,167	YoY
		▼ 282
		▼ 5.2%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN gộp	130	QoQ	YoY
		▼ 40.0	▼ 25.0
		▼ 23.6%	▼ 16.3%
	tỷ VNĐ		

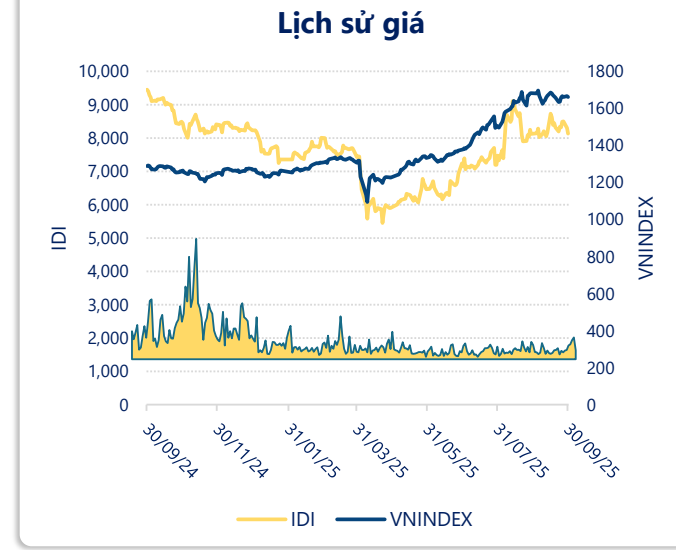
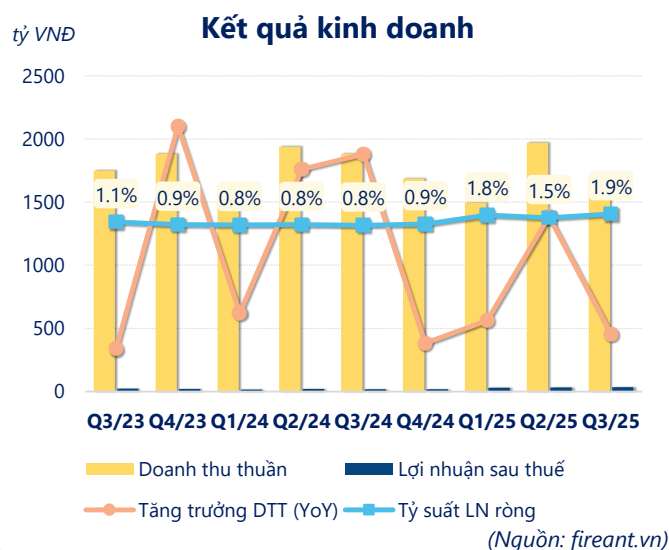
	9T 2025	
LN gộp	405	YoY
		▼ 28.0
		▼ 6.4%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN thuần	44.4	QoQ	YoY
		▲ 1.40	▲ 15.5
		▲ 3.3%	▲ 53.7%
	tỷ VNĐ		

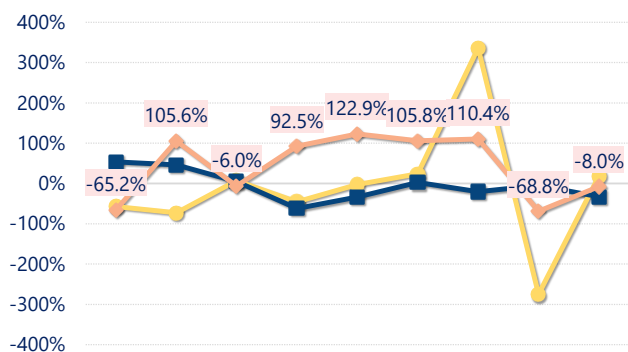
	9T 2025	
LN thuần	114	YoY
		▲ 37.9
		▲ 49.2%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN sau thuế	35.5	QoQ	YoY
		▲ 2.60	▲ 17.7
		▲ 7.9%	▲ 99.4%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
LN sau thuế	97.5	YoY
		▲ 43.3
		▲ 80.1%
	tỷ VNĐ	



Tăng trưởng lợi nhuận

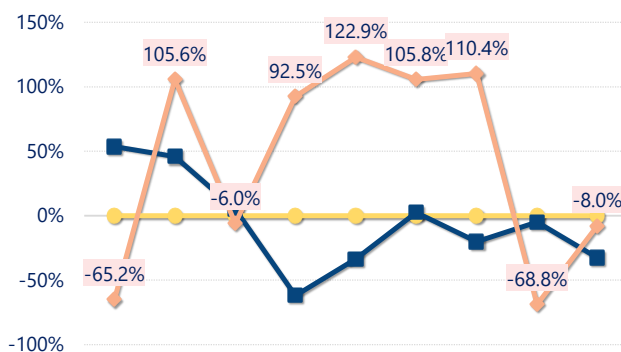


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY)
 — Tăng trưởng EBIT (YoY)
 — Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

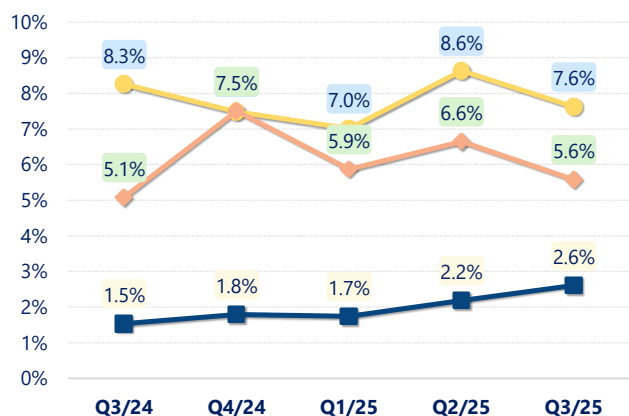


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY)
 — Tăng trưởng EBIT (YoY)
 — Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

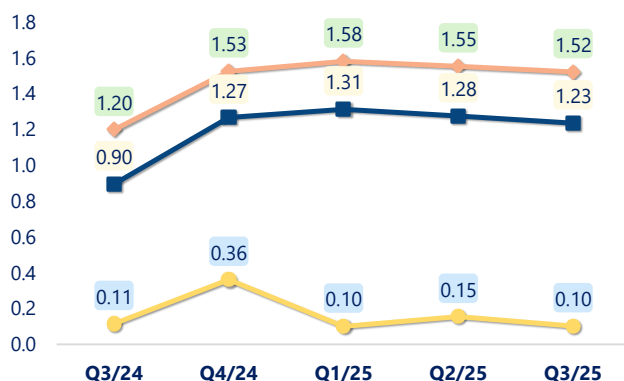
Tỷ suất lợi nhuận



— Tỷ suất LN gộp
 — Tỷ suất LN thuần
 — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

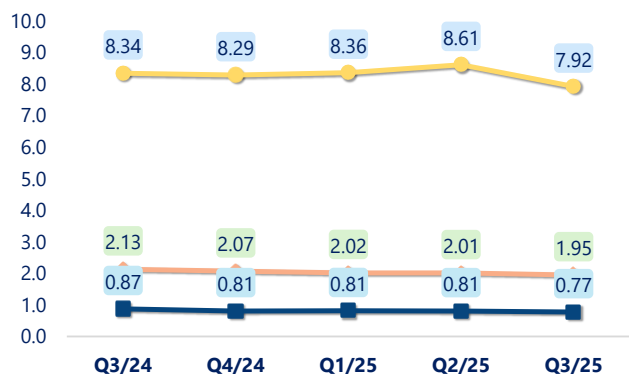
Chỉ số thanh khoản



— Tỷ số thanh toán tiền mặt
 — Tỷ số thanh toán nhanh
 — Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

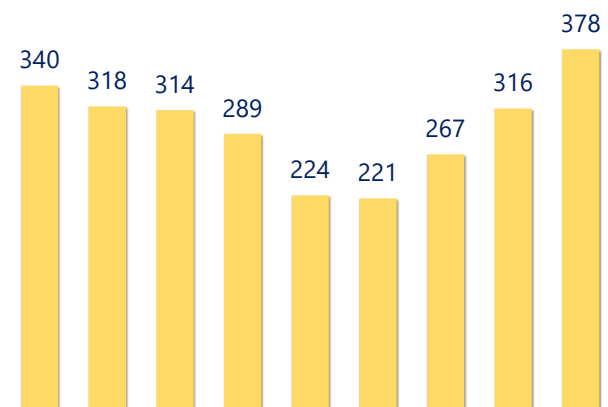
Vòng quay tài sản



— Vòng quay TSCĐ
 — Vòng quay Tổng TS
 — Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,702	1,881	-9.5%	5,167	5,449	-5.2%
Giá vốn hàng bán	1,572	1,726	-8.9%	4,763	5,017	-5.1%
Lợi nhuận gộp	130	155	-16.3%	405	433	-6.4%
Doanh thu HĐTC	32.4	21.9	47.8%	126	91.0	38.6%
Chi phí TC	50.3	77.9	-35.4%	226	250	-9.5%
Chi phí lãi vay	49.6	67.1	-26.1%	198	214	-7.5%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	45.8	51.2	-10.5%	125	137	-8.7%
Chi phí QLDN	21.6	19.2	12.5%	66.5	61.1	8.9%
LN thuần từ HĐKD	44.4	28.9	53.7%	114	76.1	49.2%
Lợi nhuận khác	1.00	-0.30	434%	2.56	0.68	275%
LN trước thuế	45.4	28.6	58.8%	116	76.8	51.2%
Lợi nhuận sau thuế	35.5	17.8	99.4%	97.5	54.2	80.1%
LNST của CĐ cty mẹ	31.8	14.9	114%	87.7	44.9	95.2%

(Nguồn: fireant.vn)

